

Số: 218/KH-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 21 tháng 6 năm 2021

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030

Căn cứ Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ 6, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;

Căn cứ Nghị quyết số 137-NQ/CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;

Căn cứ Kế hoạch số 71-KH/TU ngày 24 tháng 4 năm 2018 của Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế về thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới;

Căn cứ Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2018 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về triển khai Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Dân số đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2259/QĐ-TTg ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 26 tháng 2 năm 2021 về việc đẩy mạnh công tác dân số và phát triển giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2014/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Kế hoạch hành động giai đoạn 2020-2025 của tỉnh Thừa Thiên Huế thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2259/QĐ-TTg ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 2259/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Củng cố và

phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030 như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển hệ thống thông tin số liệu dân số theo hướng hiện đại và đồng bộ bảo đảm cung cấp đầy đủ tình hình, dự báo dân số tin cậy phục vụ quản lý nhà nước về dân số; xây dựng, thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của mọi cơ quan, tổ chức, góp phần thực hiện thành công kế hoạch hành động giai đoạn 2020 - 2025 của tỉnh Thừa Thiên Huế thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm, vai trò của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền về tầm quan trọng của thông tin, dữ liệu dân số; ban hành Nghị quyết, kế hoạch, văn bản chỉ đạo; bố trí cán bộ đủ năng lực, đầu tư ngân sách cho hệ thống thông tin chuyên ngành dân số.

Phân tích thực trạng kho dữ liệu chuyên ngành dân số tại địa phương, hạn chế, khó khăn và nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế để làm cơ sở đề xuất chính sách, cơ chế phối hợp, quản lý, vận hành, khai thác, chia sẻ dữ liệu và phổ biến thông tin giữa các cấp, các ngành phù hợp với đặc điểm của tỉnh.

Bảo đảm công tác thu thập, cập nhật thông tin thường xuyên gắn liền với đội ngũ cộng tác viên dân số; tăng cường kiểm tra, giám sát, thẩm định thông tin số liệu; xây dựng báo cáo phân tích chuyên sâu, xây dựng báo cáo tổng quan, báo cáo chuyên đề về dân số phản ánh hiện trạng, phân tích động thái, phát hiện những vấn đề dân số mới nảy sinh; đào tạo và đào tạo lại về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ tham gia hệ thống; thực hiện nghiêm chế độ báo cáo thống kê chuyên ngành; đầu tư, trang thiết bị, đường truyền cho kho dữ liệu tại các cấp phù hợp với từng địa phương.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Thông tin số liệu trực tuyến về dân số được cập nhật, số hóa ở cấp xã đạt 100% năm 2025, đạt 100% năm 2030; cộng tác viên dân số thực hiện cập nhật thông tin số liệu trực tuyến bằng thiết bị di động thông minh đạt 90% năm 2025;

b) 100% kho dữ liệu chuyên ngành dân số các cấp được hiện đại hóa, hình thành hệ thống lưu trữ, kết nối thông tin số liệu dân số và phát triển vào năm 2025, tiếp tục duy trì và mở rộng sau năm 2025;

c) Các chỉ tiêu dân số và phát triển phục vụ chỉ đạo, điều hành, quản lý nhà nước về dân số được xử lý, khai thác trực tuyến trên môi trường mạng ở cấp huyện đạt 100% năm 2025; đến cấp xã đạt 100% năm 2030;

d) Các ngành, lĩnh vực, địa phương sử dụng dữ liệu chuyên ngành dân số trong xây dựng, thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội đạt 100% năm 2025;

đ) Phát triển các ứng dụng trên thiết bị di động thông minh đáp ứng nhu cầu sử dụng dữ liệu chuyên ngành dân số của các cơ quan, tổ chức trong xã hội đạt ít nhất 5 ứng dụng năm 2025; ít nhất 10 ứng dụng năm 2030.

II. THỜI GIAN, PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN

1. Thời gian thực hiện: Từ năm 2021 đến năm 2030.

- Giai đoạn từ năm 2021-2025: Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các hoạt động của chương trình.

- Giai đoạn 2026-2030: Đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch giai đoạn 2021-2025, xây dựng các hoạt động phù hợp trong giai đoạn 2026-2030.

- Hàng năm đánh giá sơ kết các hoạt động trong năm và phổ biến triển khai các hoạt động năm tiếp theo.

2. Phạm vi: Triển khai trên địa bàn toàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Đối tượng

- Đối tượng được quản lý: Nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ gia đình dân cư; người thực hiện biện pháp tránh thai; các biến động về quy mô, cơ cấu và chất lượng dân số;

- Đối tượng tác động: Người dân trong toàn xã hội, ban, ngành, đoàn thể, cán bộ y tế, dân số, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện chương trình.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của chính quyền các cấp

a) Tiếp tục quán triệt sâu sắc hơn nữa vai trò của thông tin số liệu dân số và phát triển trong công tác chỉ đạo, điều hành để đạt các mục tiêu về dân số; lồng ghép yếu tố dân số trong xây dựng, thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội;

b) Tăng cường trách nhiệm, vai trò của người đứng đầu chính quyền các cấp trong lãnh đạo, chỉ đạo và bảo đảm nguồn lực thực hiện Chương trình; ban hành nghị quyết, kế hoạch, đầu tư kinh phí và phân công cụ thể từng địa phương, cơ quan, đơn vị tham gia thực hiện Chương trình.

2. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến thông tin số liệu dân số và phát triển

a) Đa dạng hóa, nâng cao chất lượng các sản phẩm, ấn phẩm thông tin số liệu dân số. Phát triển bản đồ dân số điện tử; xây dựng báo cáo chuyên sâu, tài liệu, hướng dẫn; dự báo động thái, vấn đề dân số mới nảy sinh cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh. Cung cấp, chia sẻ thông tin dữ liệu chuyên ngành dân số thuận tiện, liên tục và theo thời gian;

b) Đổi mới phương thức cung cấp thông tin số liệu dân số và phát triển theo các hình thức khác nhau. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng, các kênh thông tin truyền thông hiện đại, trực tuyến đến cơ quan, tổ chức và mọi người dân.

3. Hoàn thiện cơ chế chính sách, quy định chuyên môn, kỹ thuật

a) Rà soát, sửa đổi, bổ sung cơ chế phối hợp, chia sẻ, khai thác thông tin số liệu dân số và phát triển của các bộ, ngành, địa phương; chính sách hỗ trợ việc thu thập, cập nhật thông tin số liệu đầu vào, quản trị và vận hành kho dữ liệu chuyên ngành dân số;

b) Rà soát, bổ sung các quy định về kỹ thuật, an toàn thông tin, an ninh dữ liệu, vận hành kho dữ liệu chuyên ngành dân số; giám sát, đánh giá, thẩm định chất lượng thông tin số liệu.

4. Nâng cao chất lượng thông tin số liệu, hiện đại hóa kho dữ liệu chuyên ngành dân số

a) Đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng thu thập thông tin số liệu đầu vào của mạng lưới dân số các cấp, cộng tác viên dân số; rà soát, thẩm định thông tin số liệu; kết hợp chặt chẽ, hiệu quả ba hình thức thu thập thông tin: Báo cáo định kỳ, điều tra thống kê, hồ sơ đăng ký hành chính trên cơ sở nhu cầu thông tin số liệu phục vụ quản lý điều hành.

b) Nâng cấp hệ thống kho dữ liệu chuyên ngành dân số

- Xây dựng, triển khai giải pháp để số hóa, cập nhật thông tin số liệu trực tuyến tại cấp xã; lưu trữ, quản lý dữ liệu tập trung tại kho dữ liệu chuyên ngành dân số cấp tỉnh, vùng, trung ương;

- Nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị của kho dữ liệu chuyên ngành dân số các cấp trên cơ sở kế thừa tối đa hạ tầng công nghệ thông tin sẵn có, kết hợp thuê một số dịch vụ;

- Ứng dụng các giải pháp khoa học công nghệ mới, phát triển các ứng dụng khai thác dữ liệu, dự báo dân số phục vụ yêu cầu quản lý, phân tích, chia sẻ, công bố thông tin số liệu dân số;

- Triển khai các giải pháp kết nối chia sẻ với cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương; hình thành cổng dữ liệu dân số; quản lý và giám sát an toàn thông tin; bảo mật các cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật;

- Kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin của các hệ thống thông tin trong phạm vi chương trình.

c) Tổ chức các cuộc điều tra, khảo sát về dân số và phát triển; nhân khẩu học và sức khỏe.

d) Nghiên cứu, thí điểm mô hình nâng cao chất lượng thu thập, cập nhật thông tin; xử lý các bài toán về động thái dân số.

5. Nâng cao năng lực cán bộ, cộng tác viên tham gia chương trình

a) Tuyển chọn, đào tạo cán bộ chuyên sâu, chuyên gia về thống kê dân số, nhân khẩu học, công nghệ thông tin;

b) Đào tạo, tập huấn cho cán bộ y tế, dân số, cộng tác viên dân số về kiến thức và kỹ năng thu thập thông tin; xử lý, khai thác, lưu trữ thông tin số liệu dân số; quản trị, vận hành kho dữ liệu chuyên ngành dân số.

6. Bảo đảm tài chính và hợp tác quốc tế

Đa dạng hóa nguồn vốn thực hiện chương trình, lồng ghép với các kế hoạch, chương trình, đề án, nhiệm vụ liên quan. Bố trí chương trình, dự án về hệ thống thông tin chuyên ngành dân số vào chương trình, dự án đầu tư công. Vận động các nguồn vốn hợp pháp từ tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, ưu tiên phát triển các báo cáo phân tích; ứng dụng khai thác dữ liệu; các giải pháp nâng cao chất lượng thông tin số liệu;

Chủ động, tham gia đầy đủ, có trách nhiệm các diễn đàn đa phương, song phương, các tổ chức quốc tế, khu vực về thông tin, thống kê dân số. Đẩy mạnh hợp tác kỹ thuật, đào tạo, trao đổi chuyên gia, chuyển giao công nghệ; tranh thủ hỗ trợ kỹ thuật, tài chính của các chính phủ, tổ chức quốc tế để thực hiện nhanh, hiệu quả các mục tiêu của Chương trình.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Ngân sách Trung ương: Phân bổ hàng năm và tùy theo khả năng ngân sách Trung ương bổ sung.

- Ngân sách địa phương:

+ Cấp tỉnh: Kinh phí bố trí trong dự toán hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và được Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ tại Quyết định số 2014/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 ban hành Kế hoạch hành động giai đoạn 2020-2025 của tỉnh Thừa Thiên Huế thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 để thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động của chương trình: Đào tạo, tập huấn; duy trì, cập nhật thông tin, số liệu và giám sát, đánh giá thẩm định số liệu; xây dựng và báo cáo số liệu chuyên đề và dự báo dân số, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh dữ liệu và vận hành hệ thống kho dữ liệu chuyên ngành dân số. Tổ chức sơ, tổng kết việc thực hiện vào năm 2025 và 2030. Ngoài ra, Sở Y tế chỉ đạo đơn vị chuyên môn lập chương trình, đề án, kế hoạch đầu tư nâng cấp hệ thống kho dữ liệu chuyên ngành dân số đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm.

+ Cấp huyện: Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế bố trí kinh phí địa phương để hỗ trợ cho việc thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động đào tạo, tập huấn; duy trì, cập nhật thông tin, số liệu và giám sát, đánh giá thẩm định số liệu; xây dựng và báo cáo số liệu chuyên đề và dự báo dân số, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh dữ liệu và vận hành hệ thống kho dữ liệu chuyên ngành dân số, tổ chức sơ, tổng kết việc thực hiện vào năm 2025 và 2030 tại cơ sở.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với sở, ban, ngành, các cơ quan có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch.

- Định kỳ tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh; thường xuyên hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Kế hoạch, Bộ Y tế, Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình.

2. Sở Tài chính: Căn cứ khả năng ngân sách nhà nước hàng năm, bố trí ngân sách bảo đảm thực hiện chương trình, kế hoạch liên quan đến lĩnh vực dân số; hướng dẫn thanh, kiểm tra việc sử dụng kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế tổng hợp, bố trí nguồn kinh phí đầu tư công nâng cấp hệ thống kho dữ liệu chuyên ngành dân số trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm.

4. Sở Thông tin và Truyền thông: phối hợp Cục Thống kê tỉnh, Sở Y tế hướng dẫn các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chuyên môn về chia sẻ, kết nối kho dữ liệu điện tử chuyên ngành dân số với cơ sở dữ liệu của các ngành liên quan.

5. Các đơn vị: Công an tỉnh, Sở Tư pháp, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Bảo hiểm Xã hội tỉnh phối hợp với Sở Y tế trong việc chia sẻ, kết nối thông tin với kho dữ liệu điện tử chuyên ngành dân số.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế

- Xây dựng và triển khai Kế hoạch của địa phương trên cơ sở các nội dung định hướng của kế hoạch này.

- Bố trí nhân lực, phương tiện, kinh phí thực hiện chương trình và các hoạt động theo điều kiện đặc thù của địa phương trong dự toán ngân sách hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

7. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên đoàn Lao động, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Tỉnh đoàn và các tổ chức thành viên khác của Mặt trận, các Sở, ngành, các tổ chức xã hội, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, tham gia tổ chức triển khai, thực hiện chương trình.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030. Các Sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế căn cứ nội dung Kế hoạch này để tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế (để b/c);
- Tổng Cục DS-KHHGD;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các đơn vị có tên tại Mục V;
- VP: CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Bình